

## BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 02/2026

Trong giai đoạn vừa qua, một số chính sách mới ban hành có hiệu lực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và người lao động gồm: 05 Nghị định và 02 Thông tư. Phòng Tổng hợp tóm tắt trích dẫn, đăng tải các văn bản trên để người lao động trong Công ty được biết, tham khảo, phục vụ công việc.

### DANH SÁCH VÀ NỘI DUNG BẢN TIN PHÁP LUẬT

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
<b>Nghị định</b>			
01	Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	29/12/2025	01/01/2026
02	Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	31/12/2025	01/01/2026
03	Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế	31/12/2025	14/02/2026
04	Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp	31/12/2025	01/01/2026
05	Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ về sản giao dịch các-bon trong nước	19/01/2026	19/01/2026
<b>Thông tư</b>			
01	Thông tư số 66/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21/11/2024 của Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng	31/12/2025	15/01/2026
02	Thông tư số 54/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương	31/12/2025	15/02/2026

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Hiệu lực văn bản
	tiện đo, chuẩn đo lường		

## **Tóm tắt và trích dẫn**

### **I. Nghị định**

*1. Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải*

#### **10 trường hợp được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**

Theo đó, miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong các trường hợp sau đây:

(1) Nước xả ra từ nhà máy thủy điện bao gồm nước xả ra từ tua bin phát điện của nhà máy thủy điện lấy từ đập, hồ chứa của nhà máy, không qua bất kỳ công đoạn sản xuất, vận hành nào có khả năng gây ô nhiễm (không bao gồm nước thải từ sinh hoạt, từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, vệ sinh công trình và hoạt động cơ khí, kỹ thuật, tổ chức, vận hành khác của nhà máy có tiếp xúc với chất gây ô nhiễm).

(2) Nước thải từ nước biển dùng vào sản xuất muối.

(3) Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở địa bàn cấp xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật đầu tư; nước thải sinh hoạt của tổ chức (trừ cơ sở phát sinh tổng lượng nước thải trung bình từ 20 m<sup>3</sup> /ngày (tương ứng với 7.300 m<sup>3</sup> /năm) trở lên), hộ gia đình, cá nhân ở địa bàn chưa có hệ thống cung cấp nước sạch hoặc tự khai thác nước để sử dụng.

(4) Nước trao đổi nhiệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(5) Nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn.

(6) Nước thải từ phương tiện đánh bắt thủy sản, hải sản.

(7) Nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung đô thị theo quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải và nước thải của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải của khu chung cư cao tầng, cụm chung cư, khu dân cư tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(8) Nước thải từ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản.

(9) Nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến của cơ sở được tái sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(10) Nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản, hải sản.

*2. Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp*

Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện quản lý vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thông qua người đại diện phần vốn nhà nước theo các quy định tại Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến về các chỉ tiêu tổng doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) hoặc tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) của Công ty mẹ hoặc công ty độc lập để doanh nghiệp xây dựng, thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và báo cáo, đề xuất của người đại diện phần vốn của nhà nước để chỉ đạo về nội dung này.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên như sau:

+ Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

Giá trị chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được xác định theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được.

+ Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế theo các nguyên tắc quy định tại Điều 29 Nghị định này, trong đó:

(1) Về việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện không thấp hơn kế hoạch; trích không quá 03 tháng tiền lương thực hiện nhân với

tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện thấp hơn kế hoạch.

Tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức lương thực hiện của năm đánh giá của doanh nghiệp.

(2) Mức trích lập cụ thể Quỹ đầu tư phát triển hằng năm được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp theo kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

+ Định hướng phát triển của công ty theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

- Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ cổ phần, vốn góp do nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp được chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp trong trường hợp cần bổ sung vốn để đầu tư dự án.

Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp để bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định này.

- Việc phân phối lợi nhuận sau thuế của các tổ chức tín dụng thực hiện theo pháp luật về các tổ chức tín dụng.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ quy định tại Điều 21; Điều 22; Điều 24; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26 Nghị định này để chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến trong việc ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế tài chính của công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 và khoản 7 Điều 27 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều 26, Điều 27 và khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 28 và quy chế được ban hành theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 33 Nghị định này.

*3. Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế*

Tại Điều 1, Điều 9 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Theo đó, tiêu chí khai thuế theo quý đối với thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân từ 14/02/2026 như sau:

- Khai thuế giá trị gia tăng theo quý áp dụng đối với:

+ Người nộp thuế thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP nếu có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống thì được khai thuế giá trị gia tăng theo quý. Doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ được xác định là tổng doanh thu trên các tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế trong năm dương lịch.

Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm cả doanh thu của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.

+ Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động, kinh doanh thì được lựa chọn khai thuế giá trị gia tăng theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch liền kề tiếp theo năm đã đủ 12 tháng sẽ căn cứ theo mức doanh thu của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo kỳ tính thuế tháng hoặc quý.

- Người nộp thuế thuộc diện khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP nếu đủ điều kiện khai thuế giá trị gia tăng theo quý thì được lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý.

Người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định.

- Người nộp thuế đáp ứng tiêu chí khai thuế theo quý được lựa chọn khai thuế theo tháng hoặc quý ổn định trọn năm dương lịch.

- Trường hợp người nộp thuế đang thực hiện khai thuế theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế theo quý và lựa chọn chuyển sang khai thuế theo quý thì gửi văn bản đề nghị quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đề nghị thay đổi kỳ tính thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 31 tháng 01 của năm bắt đầu khai thuế theo quý. Nếu sau thời hạn này người nộp thuế không gửi văn bản đến cơ quan thuế thì người nộp thuế tiếp tục thực hiện khai thuế theo tháng ổn định trọn năm dương lịch.

Người nộp thuế đã khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì xử lý như sau:

- Trường hợp người nộp thuế tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo, nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó và tính tiền chậm nộp theo quy định.

- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì cơ quan thuế ban hành văn bản yêu cầu người nộp thuế khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo, nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó và tính tiền chậm nộp theo quy định, trừ trường hợp cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng và nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng theo văn bản đề nghị của cơ quan thuế.

- Người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế đối với hồ sơ khai thuế của các kỳ tính thuế phải nộp lại do thay đổi kỳ tính thuế. Hồ sơ khai thuế các tháng đã nộp lại được xác định là hồ sơ thay thế cho hồ sơ khai thuế theo quý đã nộp.

*4. Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp*

Theo đó, mức đóng bảo hiểm thất nghiệp được quy định như sau:

- Người lao động đóng bằng 1% tiền lương tháng.

- Người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

+ Người sử dụng lao động là cơ quan, đơn vị, tổ chức được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên thì ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ nguồn đóng bảo hiểm thất nghiệp và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

+ Người sử dụng lao động là cơ quan, đơn vị, tổ chức được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên thì ngân sách nhà nước bảo đảm nguồn đóng bảo hiểm thất nghiệp cho số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Phần bảo hiểm thất nghiệp phải đóng còn lại, người sử dụng lao động tự bảo đảm theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 374/2025/NĐ-CP.

+ Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ thì khoản đóng bảo hiểm thất nghiệp được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong kỳ.

+ Người sử dụng lao động là cơ quan, đơn vị, tổ chức khác thì khoản đóng bảo hiểm thất nghiệp được sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật.

- Nhà nước hỗ trợ tối đa 1% quỹ tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp và do ngân sách trung ương bảo đảm.

#### *5. Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ về sàn giao dịch các-bon trong nước*

Cụ thể, tại Điều 14 Nghị định số 29/2026/NĐ-CP quy định về việc giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước như sau:

- Chủ thể tham gia giao dịch chỉ được sử dụng 01 tài khoản giao dịch chứng khoán theo pháp luật chứng khoán tại thành viên giao dịch các-bon để giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo nguyên tắc tách bạch, riêng biệt hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon với các hoạt động giao dịch khác.

Thành viên giao dịch các-bon phải tách biệt các giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon, theo dõi riêng, hạch toán riêng, không được bù trừ chéo hoặc vay mượn tài sản với các hoạt động giao dịch khác. Tài khoản giao dịch phải hiển thị tách biệt giữa cấu phần giao dịch các-bon với cấu phần giao dịch chứng khoán ngay từ khi đăng nhập vào tài khoản giao dịch của người dùng.

- Các chủ thể tham gia giao dịch phải có đủ tiền khi đặt lệnh mua, đủ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon khi đặt lệnh bán.

- Thành viên giao dịch các-bon có trách nhiệm theo dõi số dư hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon, số dư tiền, kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đặt lệnh.

- Thành viên giao dịch các-bon thông báo kết quả giao dịch cho chủ thể tham gia giao dịch ngay sau khi giao dịch được thực hiện theo hình thức đã thỏa thuận. Thành viên giao dịch các-bon phải gửi sao kê hàng tháng tài khoản tiền, tài khoản lưu ký hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon cho chủ thể tham gia giao dịch hoặc khi có yêu cầu của chủ thể tham gia giao dịch.

- Sau khi giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được xác lập, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm cung cấp kết quả giao dịch cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thanh toán giao dịch.

## II. Thông tư

1. Thông tư số 66/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21/11/2024 của Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình năng lượng

### **Sửa đổi mẫu thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm dự án đầu tư công trình năng lượng**

Đơn cử, về xử lý vi phạm trong đấu thầu được quy định như sau:

(1) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

(2) Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 20.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định:

- Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 Luật Đấu thầu;

- Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm c khoản 3; khoản 5 Điều 16 Luật Đấu thầu;

- Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Luật Đấu thầu.

(3) Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 39.2 được thực hiện như sau:

- Chỉ cấm tham gia hoạt động đối với thành viên liên danh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại các điểm c khoản 3; khoản 4; các điểm b, c, d, đ khoản 5; các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6; khoản 7 Điều 16 Luật Đấu thầu;

- Cấm tham gia với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên có hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm nêu trên.

(4) Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 20.2 là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.

(5) Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị của bên mời thầu kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

- Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra;

- Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị;

- Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

(6) Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:

- Tên tổ chức, cá nhân vi phạm;

- Nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm và thời gian cấm tương ứng với từng hành vi vi phạm; tổng thời gian cấm (trường hợp vi phạm từ 02 hành vi trở lên); phạm vi cấm;

- Hiệu lực thi hành quyết định.

*2. Thông tư số 54/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường*

Theo đó, việc xử lý hồ sơ đăng ký chỉ định được quy định như sau:

- Việc chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (sau đây gọi chung là chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) thuộc thẩm quyền của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

- Khi có nhu cầu đăng ký chỉ định thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đăng ký chỉ định gửi đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông qua một trong các cách thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, nếu hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông

báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký chỉ định về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện.

Nếu tổ chức đăng ký chỉ định không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thực hiện kết thúc việc giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở. Việc đánh giá tại cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kết quả đánh giá tại cơ sở theo quy định, nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu quy định, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, cấp quyết định chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (sau đây gọi chung là quyết định chỉ định) theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định là 05 năm kể từ ngày ban hành. Trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký chỉ định và cơ quan, tổ chức có liên quan.

**BTV: Lê Gia Lộc Sơn**